

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/DS-ST.
Ngày: 05/4/2023
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Kim L,
2. Bà Đỗ Thị Lệ H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C: bà Nguyễn Thị Bích T-Kiểm sát viên

Trong các từ ngày 30 tháng 3 đến 05 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2023/QĐXX-ST ngày 02/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K. Trụ sở: xã B, huyện C, tỉnh A. (Sau đây gọi tắt là Công ty K)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (là một trong các ông bà):

1/Ông Nguyễn Trung A, sinh năm 1994.

2/Ông Ha Hyuk J, sinh năm 1971.

3/Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh A.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: ông Lương Tường H, sinh năm 1986-Công ty Luật A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A.

- Các bị đơn:

1- Công ty TNHH L. Trụ sở: phường A, quận N, thành phố C (Sau đây gọi tắt là Công ty L).

2- Ông Nguyễn Thanh H. Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện của nguyên đơn đã trình bày:*

Từ năm 2019, Công ty TNHH L và ông Nguyễn Thanh H có mua bán với Công ty TNHH K phụ phẩm cá tra bao gồm: mỡ cá, bột cá thông qua nhiều hợp đồng mua bán. Ngoài ra, vào ngày 02/01/2019, Công ty ký Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phụ phẩm số 0201/HĐPP LAP/2019 và hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 0201/HĐVC.LAP2019. Theo đó, Công ty L và ông H sẽ bán cho Công ty K phụ phẩm từ nguyên liệu cá tra với số lượng khoảng 10.000 kg/ngày. Phương thức thanh toán là Công ty K đặt cọc số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau khi ký kết Hợp đồng, Công ty K đã nghiêm túc thực hiện chuyển tiền đặt cọc số tiền 2.000.000.000 đồng nêu trên.

Ngày 31/12/2020, hai bên tiến hành đối chiếu bù trừ công nợ được hai bên lập thành văn bản thì Công ty L và ông H còn nợ phải trả cho Công ty K số tiền 3.559.153.462 đồng (*ba tỉ, năm trăm năm chín triệu, một trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm sáu hai đồng*).

Đầu năm 2021, Công ty K tiếp tục mua bán phụ phẩm cá tra với Công ty L và ông H. Số tiền công nợ Công ty L và ông H trong năm 2021 nợ Công ty K là 802.140.900 đồng (*tám trăm lẻ hai triệu, một trăm bốn mươi ngàn, chín trăm đồng*).

Như vậy tổng cộng số công nợ mà Công ty L và ông H nợ của Công ty K là 3.559.153.462 đồng + 802.140.900 đồng = 4.361.294.362 đồng.

Công ty K đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị thanh toán yêu cầu Công ty L và ông H thanh trả số tiền nêu trên. Ngày 29/04/2021 ông H viết cam kết chậm nhất là ngày 30/05/2021 sẽ trả bằng hàng hóa là phụ phẩm hoặc bằng tiền mặt nhưng cho đến hiện nay cả Công ty L và ông H cũng chưa thanh toán tiền công nợ cho Công ty K.

Vì các lý do trên, Công ty TNHH K khởi kiện buộc Công ty TNHH L và ông Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền gốc công nợ chưa thanh toán là 4.361.294.362 đồng. Tiền lãi tạm tính từ ngày 21/4/2021 đến ngày

21/04/2022 là: 436.129.436. Tổng nợ gốc và lãi: 4.797.423.798 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm chín mươi tám đồng*)

* Phía các bị đơn vắng mặt nhiều lần không rõ lý do, Tòa án không triệu tập được đương sự được nên tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định chung.

Tại phiên tòa,

+ Đại diện nguyên đơn có mặt cung cấp các hóa đơn chứng từ để chứng minh về số tiền bị đơn nợ 802.140.900 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi nợ theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2020 là 3.559.153.462 đồng. Tổng số tiền gốc buộc bị đơn phải trả là 4.361.294.362 đồng. Phía nguyên đơn có thay đổi về yêu cầu tính lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0.833%/tháng trên số tiền nợ của bị đơn, bắt đầu tính lãi từ ngày 01/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời đề nghị Tòa án buộc bị đơn tiếp tục trả lãi sau ngày 05/4/2023 trên số tiền chậm trả cho đến khi bị đơn trả tất nợ.

+ Bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày về các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty L ngày 24/02/2021 Ký hiệu AP/18P số 0000434 và ngày 31/01/2021 Ký hiệu AP/18P số 0000426 tên người mua hàng là Công ty TNHH K, khấu trừ nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn để chứng minh cho thấy sau bản đối chiếu bù trừ công nợ ngày 30/12/2020, các bên đương sự đã tiếp tục giao dịch mua bán, trao đổi hàng hóa với nhau, có chứng từ và có tin nhắn giữa các bên để chứng minh cho số tiền Công ty L có nợ thêm 802.140.900 đồng. Do vậy, từ các chứng cứ thể hiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, xác định thủ tục tố tụng hồ sơ vụ án đúng hạn luật định, quá trình giải quyết phía bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Về nội dung vụ án cho thấy việc khởi kiện của nguyên đơn trong quá trình khởi kiện không cung cấp đủ chứng cứ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn mới cung cấp các hóa đơn chứng từ để đòi số tiền nợ 802.140.900 đồng là chưa đủ cơ sở, việc cung cấp chứng cứ chậm trễ này là do lỗi của người khởi kiện, Tòa án đã tạm ngưng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ nhưng nguyên đơn vẫn chưa chứng minh được việc bị đơn có nhận hàng hóa từ các hóa đơn giá trị gia tăng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần đòi nợ 802.140.900 đồng. Khoản tiền theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2020 là 3.559.153.462 đồng tuy nguyên đơn không chứng minh được tư cách

của ông H trong Công ty L nhưng ông H có ký bản cam kết ngày 29/4/2021 nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu mức tính lãi suất là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các các bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các pháp nhân, tuy nhiên có ông H cùng là các bị đơn trong vụ án chưa xác định có đăng ký kinh doanh hay không nên xác định đây là giao dịch dân sự. Tranh chấp của các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không có mặt. Trên cơ sở xác nhận thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố C cho đến thời điểm 03/2/2023 Công ty TNHH L. Trụ sở: phường A, quận N, thành phố C doanh nghiệp chưa đăng ký thay đổi hay giải thể doanh nghiệp nên Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng dân sự và đưa vụ án đưa ra xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp ghi nhận, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu số nợ gốc gồm 2 khoản tiền: theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/12/2020 là 3.559.153.462 đồng và theo các hóa đơn giá trị gia tăng vừa nộp chứng cứ bổ sung tại Tòa án là 802.140.900 đồng.

Xét, bản đối chiếu bù trừ công nợ ngày 30/12/2020 có xác nhận của các đương sự nên việc khởi kiện này là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Thanh H cũng đã có văn bản cam kết thanh toán ngày 29/4/2021 nên việc buộc ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với Công ty L là có căn cứ để chấp nhận.

Xét theo các hóa đơn giá trị gia tăng của tháng 01 và tháng 02/2021 mà nguyên đơn vừa nộp chứng cứ bổ sung tại Tòa án là chưa đủ cơ sở để buộc bị đơn thanh toán, bởi lẽ đương sự không chứng minh được có việc giao nhận hàng hóa, không có việc đối chiếu công nợ giữa hai công ty. Hơn nữa, cho đến ngày 29/4/2021, ông Nguyễn Thanh H cam kết thanh toán nợ giữa các bên nhưng chỉ nhắc đến bảng công nợ hai bên đã thống nhất chứ không nói đến tiền hàng hóa theo các hóa đơn chứng từ tháng 01 và tháng 02/2021. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ nhưng nguyên đơn vẫn không chứng minh được việc giao nhận hàng đối với khoảng tiền 802.140.900 đồng, do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu đối với số tiền này.

Yêu cầu tính lãi suất: mốc tính lãi thay đổi, yêu cầu tính từ ngày 01/6/2021 là giảm hơn so với yêu cầu khởi kiện, mức lãi suất 10%/năm tương đương 0.83%/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi sẽ được tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/4/2023):

$3.559.153.462 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 10 \text{ tháng} \times 0.83\% = 656.203.497 \text{ đồng}.$

Nợ gốc và lãi tính chung là:

$3.559.153.462 \text{ đồng} + 656.203.497 \text{ đồng} = 4.215.357.000 \text{ đồng}$ (bốn tỉ, hai trăm mười lăm triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng)

Phía các bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, không có chứng cứ nào khác để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

- Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần tiền nợ bị bác yêu cầu khởi kiện, sau khi khấu trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26,30,35,147,227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463,468,469 Bộ luật dân sự.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K về việc kiện đòi nợ Công ty TNHH L và ông Nguyễn Thanh H theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty TNHH L và ông Nguyễn Thanh H liên đới trả cho Công ty TNHH K đến ngày 05/4/2023 nợ tính chung là: Nợ gốc 3.559.153.462 đồng + lãi 656.203.497 đồng = 4.215.357.000 đồng (*bốn tỉ, hai trăm mười lăm triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng*)

Các bị đơn thực hiện việc trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phương thức và cách thanh toán nợ các bên tự thỏa thuận, nếu không thống nhất sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi kể từ sau ngày 05/4/2023 theo mức lãi suất của pháp luật quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Công ty TNHH L và ông Nguyễn Thanh H phải chịu 112.215.000 đồng án phí

Công ty TNHH K phải chịu 36.064.000 đồng, khấu trừ vào tiền đã nộp tạm ứng án phí 56.399.000 đồng theo biên lai thu số 0000761 ngày 05/7/2022, nguyên đơn được nhận lại 20.335.000 đồng (*hai mươi triệu, ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận N, thành phố C;
- Chi cục THA dân sự quận N, thành phố C;
- Lưu (hs, Vp, Ltda)

(Đã ký)